

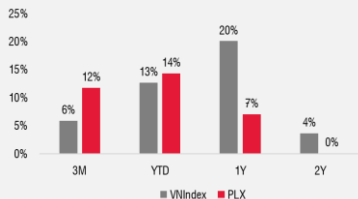
## Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, PLX: HOSE)

**Ngày báo cáo:** 20/05/2024  
**NGÀNH:** DẦU KHÍ  
**PGĐ PTC:** Đào Minh Châu, CFA  
**Email:** [chaudm@ssi.com.vn](mailto:chaudm@ssi.com.vn)  
**SĐT:** +84-28 3636 3688 ext. 3052

**Khuyến nghị:** **TRUNG LẬP**  
**Giá mục tiêu 1Y:** **40.800 Đồng**  
**Giá CP ngày 17/05/2024:** 36.800 Đồng  
**% Tăng giá:** **+7,5%**

**Giá trị vốn hoá (triệu USD):** 1.914  
**Giá trị vốn hoá (tỷ đồng):** 48.537  
**Số cổ phiếu lưu hành (triệu):** 1.271  
**KLGD trung bình 3 tháng (cp):** 1.291.025  
**Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ):** 39,5/30,7  
**GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng):** 48,1  
**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%):** 17,6  
**Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):** 75,9

### Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

### Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập vào năm 1956, Petrolimex là nhà nhập khẩu và phân phối xăng dầu lớn nhất và lâu đời nhất tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần. Công ty đã IPO vào năm 2012 với vốn điều lệ là 10.700 tỷ đồng. Kể từ đó, PLX đã bán khoảng 169 triệu cổ phiếu (-13,8% cổ phần) cho đối tác chiến lược là Tập đoàn ENEOS – công ty bán lẻ xăng dầu lớn nhất Nhật Bản với khoảng 50% thị phần.

## Lợi nhuận Q1/2024 tăng trưởng mạnh phù hợp với kỳ vọng

**Kế hoạch kinh doanh năm 2024:** Trong năm 2024, PLX đặt kế hoạch LNTT thận trọng ở mức 2,9 nghìn tỷ đồng, giảm 29% svck. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng KQKD thực tế của PLX thường cao hơn kế hoạch trong 9 năm qua ngoại trừ năm 2020 bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

**Q1/2024 đạt kết quả kinh doanh ấn tượng nhờ mảng xăng dầu:** LNTT tăng 72% svck và 70% so với quý trước đạt 1,44 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch LNTT năm 2024. Đáng chú ý nhất là lợi nhuận gộp tăng đáng kể 31,2% so với cùng kỳ lên mức cao kỷ lục là 4,67 nghìn tỷ đồng nhờ mảng xăng dầu. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước ước đạt 2,6 triệu tấn, tăng nhẹ 2% so với mức nền tương đối cao trong Q1/2023, đồng thời tăng 2,4% so với quý trước. Tuy nhiên, lợi nhuận của mảng xăng dầu tăng mạnh 260% svck đạt 1,06 nghìn tỷ đồng nhờ giá xăng dầu tăng khoảng 9% trong quý, giúp công ty hưởng lợi nhờ hàng tồn kho giá rẻ và chu kỳ điều chỉnh giá rút ngắn từ 10 ngày xuống còn 7 ngày kể từ cuối năm 2023.

### Ước tính lợi nhuận và luận điểm đầu tư

Do lợi nhuận Q1/2024 khá phù hợp với dự báo của chúng tôi nên chúng tôi duy trì ước tính LNTT năm 2024 là 4,4 nghìn tỷ đồng (+12% svck). Chúng tôi duy trì dự báo sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước là 10,76 triệu tấn (+4,1% svck) và sản lượng tiêu thụ nội địa là 2,63 triệu tấn (+4% svck). Trong năm 2025, chúng tôi dự báo LNTT sẽ tăng 6% đạt 4,67 nghìn tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ xăng dầu tăng 4% svck.

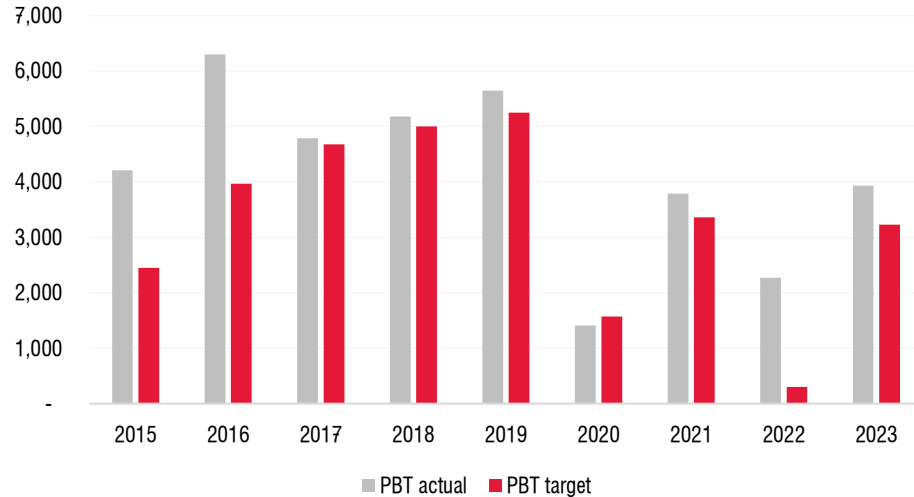
Chúng tôi duy trì giá mục tiêu là **40.800 đồng/cổ phiếu** dựa trên PE mục tiêu là 16x và ước tính lợi nhuận trung bình năm 2024-2025. Tuy nhiên, do giá cổ phiếu đã tăng 7,2% kể từ báo cáo gần đây nhất của chúng tôi nên chúng tôi hạ khuyến nghị từ **KHẢ QUAN** xuống **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu PLX.

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	123.919	169.009	304.064	273.979	312.714	325.944
Tăng trưởng doanh thu thuần	-34,64%	36,39%	79,91%	-9,89%	14,14%	4,23%
Lợi nhuận gộp	10.040	12.623	12.320	15.264	17.008	17.719
Biên lợi nhuận gộp	8,10%	7,47%	4,05%	5,57%	5,44%	5,44%
Thu nhập tài chính	917	1.000	1.949	2.743	2.451	2.598
Chi phí tài chính	-952	-836	-1.706	-1.723	-2.040	-2.065
SG&A	-9.411	-9.839	-11.323	-13.089	-13.666	-14.244
Thu nhập ròng khác	218	272	328	129	156	163
LNTT	1.410	3.789	2.270	3.947	4.410	4.671
LNST	1.253	3.124	1.902	3.077	3.572	3.783
Tăng trưởng LNST	-73,22%	149,39%	-39,10%	61,77%	16,07%	5,93%
Biên LNST	1,01%	1,85%	0,63%	1,12%	1,14%	1,16%
NPATMI	988	2.839	1.450	2.834	3.293	3.488
EPS (VND)	764	2.194	1.120	2.190	2.469	2.615

Nguồn: PLX, SSI Research

**Kế hoạch kinh doanh năm 2024:** Trong năm 2024, PLX đặt kế hoạch LNTT thận trọng ở mức 2,9 nghìn tỷ đồng, giảm 29% svck. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, KQKD thực tế của PLX thường cao hơn kế hoạch đặt ra trong vòng 9 năm qua ngoại trừ năm 2020 bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

**Biểu đồ 1: LNTT thực tế so với kế hoạch của PLX (đơn vị: tỷ đồng)**



*Nguồn: PLX*

**Q1/2024 đạt kết quả kinh doanh ấn tượng nhờ mảng xăng dầu:** LNTT tăng 72% svck và 70% so với quý trước đạt 1,44 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch LNTT năm 2024. Đáng chú ý nhất là lợi nhuận gộp tăng đáng kể 31,2% so với cùng kỳ lên mức cao kỷ lục là 4,67 nghìn tỷ đồng, nhờ mảng xăng dầu chiếm 72% tổng LNTT trong quý.

Tỷ đồng	1Q24	1Q23	YoY	4Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							1Q24	1Q23	4Q23	2023
Doanh thu thuần	75.106	67.432	11,4%	68.656	9,4%	40%				
Lợi nhuận gộp	4.669	3.559	31,2%	3.982	17,3%		6,2%	5,3%	5,8%	5,6%
Lợi nhuận hoạt động	1.352	832	62,4%	696	94,3%		1,8%	1,2%	1,0%	1,7%
EBIT	1.635	1.071	52,6%	1.065	53,6%		2,2%	1,6%	1,6%	1,8%
EBITDA	2.147	1.601	34,1%	1.583	35,6%		2,9%	2,4%	2,3%	2,5%
Lợi nhuận trước thuế	1.441	838	71,9%	850	69,6%	50%	1,9%	1,2%	1,2%	1,4%
Lợi nhuận ròng	1.133	667	69,8%	764	48,2%		1,5%	1,0%	1,1%	1,1%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	1.073	620	73,2%	641	67,4%		1,4%	0,9%	0,9%	1,0%

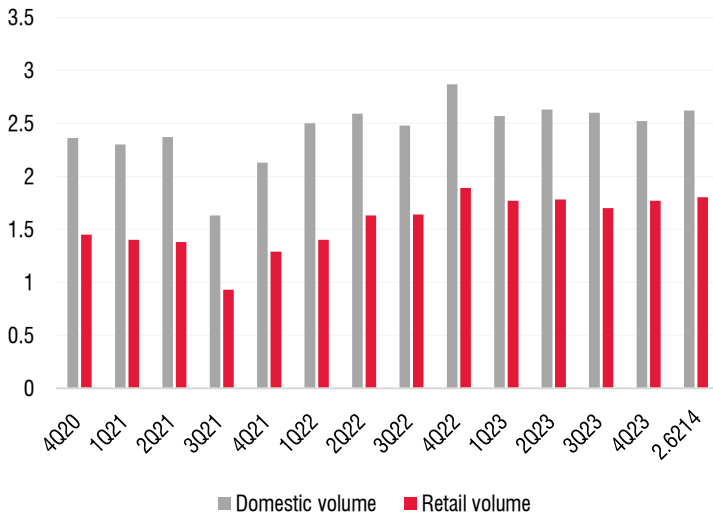
*Nguồn: PLX, SSI Research*

Sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước ước đạt 2,6 triệu tấn, tăng nhẹ 2% so với mức nền tương đối cao trong Q1/2023, đồng thời tăng 2,4% so với quý trước. Sản lượng tiêu thụ bán lẻ tăng 1,8% svck và 3% so với quý trước đạt 8 triệu tấn, tương đương 69% tổng sản lượng tiêu thụ nội địa.

Tuy nhiên, lợi nhuận của mảng xăng dầu tăng 260% svck đạt 1,06 nghìn tỷ đồng nhờ giá xăng dầu tăng khoảng 9% trong quý, giúp công ty hưởng lợi nhờ hàng tồn kho giá rẻ và chu kỳ điều chỉnh giá rút ngắn từ 10 ngày

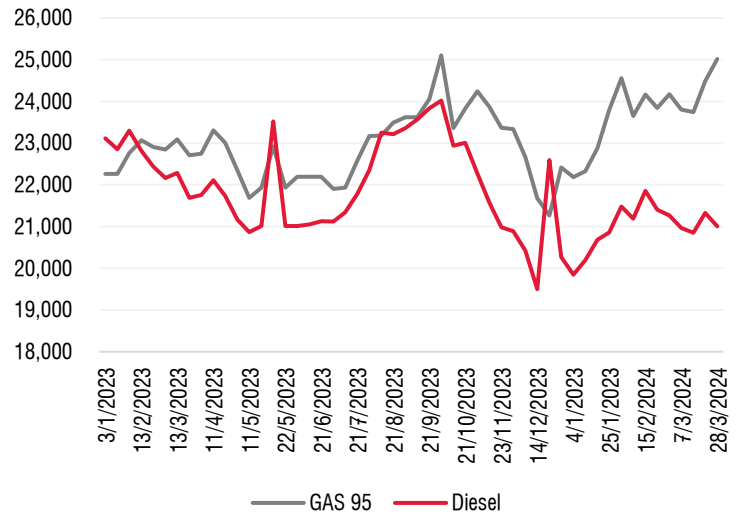
xuống còn 7 ngày kể từ cuối năm 2023. Công ty cũng đã tiến hành hoàn nhập 34 tỷ đồng trích lập dự phòng tồn kho.

**Biểu đồ 2: Sản lượng tiêu thụ xăng dầu theo quý của PLX**



Nguồn: PLX, SSI Research

**Biểu đồ 3: Giá xăng dầu trong nước (đồng/lit)**



Nguồn: SSI Research

Ngược lại, lợi nhuận từ tất cả các mảng hoạt động khác đều tăng trưởng âm bình quân 12% do chi phí đầu vào và tỷ giá tăng.

	Q1/2024	Q1/2023	% svck
Xăng dầu	1.057	402	162,9%
Nhiên liệu bay	28	38	-25,0%
Hóa dầu	102	121	-15,5%
LPG	38	41	-8,1%
Vận tải	73	82	-10,8%
Khác	143	155	-7,9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.441</b>	<b>838</b>	<b>71,9%</b>

Nguồn: SSI Research

### Ước tính lợi nhuận

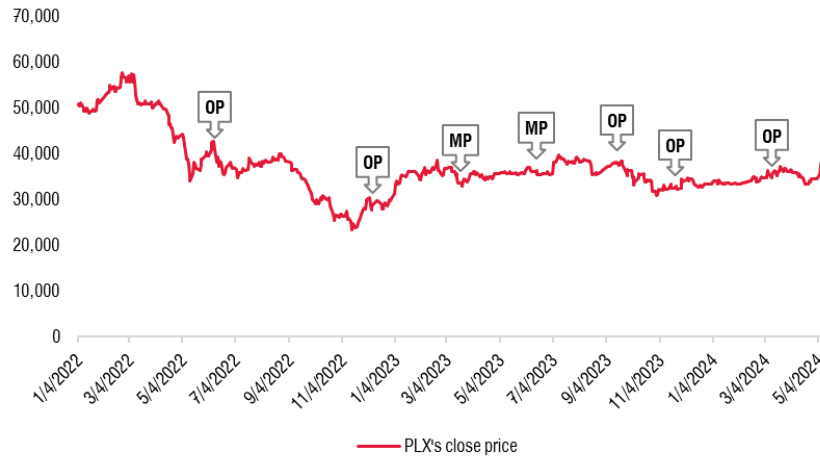
Do lợi nhuận Q1/2024 khá phù hợp với dự báo của chúng tôi nên chúng tôi duy trì ước tính LNTT năm 2024 là 4,4 nghìn tỷ đồng (+11,7% svck). Chúng tôi duy trì dự báo sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước là 10,76 triệu tấn (+4,1% svck) và sản lượng tiêu thụ nội địa là 2,63 triệu tấn (+4% svck). Trong ngắn hạn, việc giá dầu điều chỉnh trong thời gian vừa qua có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận của công ty trong quý 2, do chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu ngắn hơn dẫn đến biên lợi nhuận của PLX tương quan chặt chẽ hơn với giá dầu.

Trong năm 2025, chúng tôi dự báo LNTT sẽ tăng 6% đạt 4,67 nghìn tỷ đồng với kỳ vọng sản lượng tiêu thụ xăng dầu tăng 4% svck.

## Luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì giá mục tiêu là **40.800 đồng/cổ phiếu** dựa trên PE mục tiêu là 16x và ước tính lợi nhuận trung bình năm 2024-2025. Tuy nhiên, do giá cổ phiếu đã tăng 7,2% kể từ báo cáo gần đây nhất của chúng tôi (có tính đến cổ tức bằng tiền 1.500 đồng/cp được trả gần đây) nên chúng tôi hạ khuyến nghị từ KHẢ QUAN xuống **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu PLX.

## Lịch sử khuyến nghị



*Nguồn: SSI Research*

*Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan*

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	11.606	14.048	17.726	20.833
+ Đầu tư ngắn hạn	7.098	16.496	16.498	16.498
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	12.674	10.975	10.382	10.821
+ Hàng tồn kho	17.232	14.640	14.430	15.041
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.560	1.148	1.390	1.449
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>50.170</b>	<b>57.307</b>	<b>60.426</b>	<b>64.642</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	30	29	31	33
+ GTCL Tài sản cố định	14.284	13.655	13.223	12.712
+ Bất động sản đầu tư	121	116	109	101
+ Tài sản dài hạn dở dang	557	920	920	920
+ Đầu tư dài hạn	6.499	4.812	4.812	4.906
+ Tài sản dài hạn khác	2.815	2.837	2.988	3.115
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>24.305</b>	<b>22.369</b>	<b>22.083</b>	<b>21.787</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>74.476</b>	<b>79.676</b>	<b>82.509</b>	<b>86.429</b>
+ Nợ ngắn hạn	45.695	49.661	50.655	52.799
Trong đó: vay ngắn hạn	13.590	19.135	20.699	21.576
+ Nợ dài hạn	998	813	887	925
Trong đó: vay dài hạn	823	647	739	771
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>46.693</b>	<b>50.474</b>	<b>51.542</b>	<b>53.724</b>
+ Vốn góp	12.939	12.939	12.939	12.939
+ Thặng dư vốn cổ phần	7.359	7.359	7.359	7.359
+ Lợi nhuận chưa phân phối	2.706	4.195	5.448	6.891
+ Quỹ khác	4.779	4.710	5.221	5.516
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>27.783</b>	<b>29.202</b>	<b>30.967</b>	<b>32.705</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>74.476</b>	<b>79.676</b>	<b>82.509</b>	<b>86.429</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	5.092	5.274	5.229	5.734
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	3.004	-7.075	-1.500	-1.594
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-2.706	4.245	-51	-1.033
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>5.389</b>	<b>2.443</b>	<b>3.677</b>	<b>3.107</b>
Tiền đầu kỳ	6.192	11.606	14.048	17.726
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>11.606</b>	<b>14.048</b>	<b>17.726</b>	<b>20.833</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,1	1,15	1,19	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	0,69	0,84	0,88	0,91
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,41	0,62	0,68	0,71
Nợ ròng / EBITDA	1,18	0,61	0,66	0,34
Khả năng thanh toán lãi vay	4,52	5,39	6,14	6,23
Ngày phải thu	11,5	14,6	11,7	11,4
Ngày phải trả	25,1	32,7	27	26,1
Ngày tồn kho	19	22,5	17,9	17,5
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,37	0,38	0,38
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,63	0,62	0,62
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,68	1,73	1,66	1,64
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,52	0,68	0,69	0,68
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,66	0,67	0,66

Nguồn: PLX, SS lược tính

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>304.064</b>	<b>273.979</b>	<b>312.714</b>	<b>325.944</b>
Giá vốn hàng bán	-291.744	-258.715	-295.706	-308.225
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>12.320</b>	<b>15.264</b>	<b>17.008</b>	<b>17.719</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	1.949	2.743	2.451	2.598
Chi phí tài chính	-1.706	-1.723	-2.040	-2.065
Thu nhập từ các công ty liên kết	703	624	500	500
Chi phí bán hàng	-10.500	-12.140	-12.696	-13.233
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-823	-949	-969	-1.010
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.942</b>	<b>3.818</b>	<b>4.253</b>	<b>4.508</b>
Thu nhập khác	328	129	156	163
Lợi nhuận trước thuế	2.270	3.947	4.410	4.671
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>1.902</b>	<b>3.077</b>	<b>3.572</b>	<b>3.783</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>1.450</b>	<b>2.834</b>	<b>3.293</b>	<b>3.488</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	452	243	279	295
<b>Chỉ số tài chính</b>				
EPS cơ bản (VND)	1.120	2.190	2.469	2.615
Giá trị sổ sách (VND)	18.930	20.048	21.197	22.312
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	700	1.500	1.500	1.500
EBIT	2.914	4.846	5.267	5.565
EBITDA	5.083	7.031	7.206	7.583
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	79,9%	-9,9%	14,1%	4,2%
EBITDA	-23,5%	38,3%	2,5%	5,2%
EBIT	-33,6%	66,3%	8,7%	5,7%
Lợi nhuận ròng	-39,1%	61,8%	16,1%	5,9%
Vốn chủ sở hữu	-1,7%	5,1%	6,0%	5,6%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	14,9%	7,0%	3,6%	4,8%
<b>Định giá</b>				
PE	28,3	15,8	15,5	14,6
PB	1,7	1,7	1,8	1,7
Giá/Doanh thu	0,1	0,2	0,2	0,2
Tỷ suất cổ tức	2,2%	4,3%	3,9%	3,9%
EV/EBITDA	7,2	4,8	5,5	5,2
EV/Doanh thu	0,1	0,1	0,1	0,1
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	4,1%	5,6%	5,4%	5,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	0,6%	1,7%	1,3%	1,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,6%	1,1%	1,1%	1,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,5%	4,4%	4,1%	4,1%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,3%	0,3%	0,3%	0,3%
ROE	6,8%	10,8%	11,9%	11,9%
ROA	2,7%	4,0%	4,4%	4,5%
ROIC	5,7%	8,3%	8,4%	8,4%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư  
phuonghv@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

#### Ví mô

##### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng  
hungpl@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

##### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô  
trinhhtt@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu  
tranglh1@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321

#### Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu  
chaunbm@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

### Phân tích Ngành Dầu khí

#### Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu  
chaudm@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

#### Dữ liệu

##### Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ  
vietlt@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ  
tanntk@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ  
thunta2@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư  
nganlt@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư  
baonq1@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

#### Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư  
hieuhht1@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

#### Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư  
chauttb@ssi.com.vn  
SốĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043